



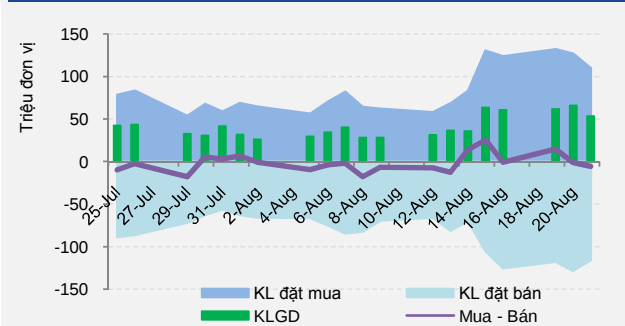
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 21/8/2013

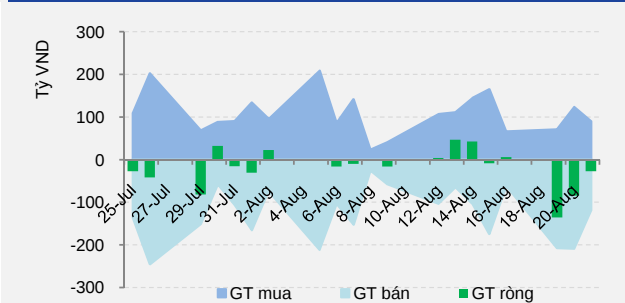
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	502.7	62.4
% Thay đổi	↓ -0.4%	↓ -0.4%
KLGD (CP)	53,623,892	20,243,249
GTGD (tỷ đồng)	957.34	161.21
Tổng cung (CP)	115,656,730	43,632,900
Tổng cầu (CP)	109,828,130	42,489,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,494,892	115,715
KL mua (CP)	3,585,262	337,500
GTmua (tỷ đồng)	90.11	5.06
GT bán (tỷ đồng)	117.53	0.89
GT ròng (tỷ đồng)	(27.42)	4.17

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.76%	7.4	1.6	3.1%
Công nghiệp	↓ -0.16%	62.1	1.1	17.5%
Dầu khí	↓ -0.55%	6.9	1.4	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.63%	12.9	1.8	1.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.02%	8.8	3.0	1.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.57%	14.9	5.1	23.2%
Ngân hàng	↑ 0.21%	6.8	1.3	4.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.22%	9.0	2.0	11.1%
Tài chính	↓ -0.24%	17.3	2.4	24.3%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -1.33%	9.8	3.6	10.6%
VN - Index	↓ -0.42%	13.1	3.1	85.9%
HNX - Index	↓ -0.43%	29.1	1.5	14.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	704,320	1.3%	839,770	1.6%
GTGD (tỷ VND)	18,840	1.9%	28,563	2.9%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index đã có phiên giảm điểm khá thứ 2 liên tiếp và có lúc đã phá mốc 500 điểm. Thị trường đóng cửa tăng lên trên mốc hỗ trợ tâm lý này nhờ nhận được sự hỗ trợ của SMA20. Tuy nhiên, thực tế thị trường đóng cửa dưới mức EMA9 cho thấy áp lực bán ngắn hạn vẫn còn trong các phiên tới. Lực mua cũng có dấu hiệu suy yếu hơn trong phiên hôm nay mặc dù giá giảm mạnh, cho thấy nhà đầu tư đã trở nên thận trọng hơn.

Đối với sàn HNX, xu thế đi ngang của chỉ số HNX-Index vẫn đang thể hiện rõ qua hướng đi của dải Bollinger, mặc dù có phần tích cực hơn khi chỉ số nằm ở phía trên của dải này. Chúng tôi chưa nhận thấy dấu hiệu cho thấy dòng tiền quay trở lại sàn HNX một cách rõ ràng và bền vững, khi KLGD tại sàn HNX đang theo xu hướng giảm trên sàn này.

Với việc VN-Index vẫn đang dao động trên mức 500 điểm, xu hướng tăng điểm ngắn hạn của chỉ số này chưa kết thúc. Tuy nhiên với thực tế thị trường đang thận trọng hơn, nhà đầu tư có thể xem xét dừng mua mới cổ phiếu. Trong trường hợp sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức cao, nhà đầu tư nên giảm tỷ trọng các cổ phiếu yếu (cổ phiếu giảm mạnh hơn so với thị trường chung) để chủ động với diễn biến thị trường.

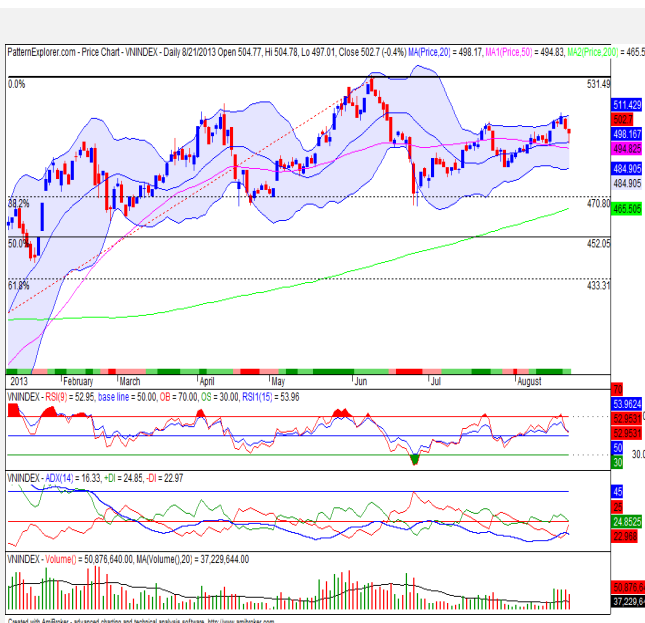
- VN-Index tiếp tục phiên giảm điểm, đóng cửa ở mức 502.7 điểm, giảm 2.11 điểm (-0.42%) so với phiên trước. Trong phiên thị trường đã có lúc giảm điểm mạnh khi mức thấp nhất của chỉ số này là 497.01 điểm.

- HNX-Index cũng giảm điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa ở mức 62.38 điểm, giảm 0.27 điểm (-0.43%) so với phiên trước. Mức thấp nhất của chỉ số này trong phiên là 61.99 điểm.

- Theo số liệu mới nhất tính đến ngày 13/8, gói hỗ trợ nhà ở trị giá 30,000 tỷ đồng mới giải ngân được cho 208 hộ gia đình, cá nhân, với tổng số tiền là 49 tỷ đồng, tương đương mỗi gia đình, cá nhân được giải ngân 235 triệu đồng. Kết quả giải ngân với doanh nghiệp cũng khá chậm, với chỉ 2 doanh nghiệp được chấp thuận cho vay vốn. Sắp tới Bộ Xây dựng sẽ phối hợp với NHNN thành lập các tổ công tác nhằm đơn đốc, tháo gỡ các khó khăn của ngân hàng và doanh nghiệp trong quá trình thẩm định và cho vay gói hỗ trợ. Dự kiến việc giải ngân gói 30,000 tỷ đồng sẽ tăng mạnh trong quý IV/2013.

- Hôm nay Chính phủ đã đề xuất điều chỉnh mức thuế suất thuế tài nguyên lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó, thuế tài nguyên sắt tăng từ 10% lên 13%; titan tăng từ 11% lên 16%; vàng tăng từ 15% lên 22%; vonfram, antimoan từ 10% lên 18%; đồng tăng từ 10% lên 15%; niken tăng từ 10% lên 12%; đất làm gạch tăng từ 7% lên 10%; cát tăng từ 10% lên 11%; đá, sỏi tăng từ 6% lên 7%; apatit tăng từ 3% lên 5%; than tăng từ 5-7% lên 7-9%... Với các mức thuế suất dự tính điều chỉnh như trên, số thu thuế tài nguyên tăng lên khoảng 2,279 tỷ đồng (với giả thiết số thu thuế của các loại tài nguyên khác không thay đổi). Tuy nhiên kiến nghị này chưa được sự đồng thuận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trước bối cảnh sức cầu toàn nền kinh tế còn yếu.

- Hiện có 15 Ngân hàng đã công bố tỷ lệ nợ xấu tính đến 30/6/2013. Có 5 Ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu giảm so với ngày 31/12/2012 gồm BIDV giảm từ 2.77% xuống 2.57%, VPBank từ 2.72% còn 2.62%, TienPhongBank từ 3.47% xuống 2.77%, OCB từ 2.8% xuống 2.5% và Southern Bank từ hơn 3% xuống 2.77%. Trong 15 ngân hàng đã có số liệu thì chỉ có 3 thành viên tỷ lệ nợ xấu trên mức 3%, gồm Navibank (6.1%), SHB (9.04%) và Techcombank (5.28%). Tuy nhiên, Phó Thống đốc NHNN Đặng Thanh Bình cũng khẳng định số liệu nợ xấu bị các ngân hàng che giấu vô cùng nhiều.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tiếp tục giảm điểm trong phiên hôm nay, thị trường đóng cửa ở mức 502.7 điểm, giảm 2.11 điểm (-0.42%) so với phiên trước. Trong phiên thị trường đã có lúc giảm điểm mạnh khi mức thấp nhất của chỉ số này là 497.01 điểm.

- KLGD giảm trong phiên hôm nay mặc dù giá giảm khá cho thấy bên mua đang thận trọng trong việc giải ngân.

- Chỉ số RSI giảm về 54 điểm, thị trường quay trở lại ngưỡng tâm lý cân bằng.

Nhận định: Chỉ số Vn-Index đã có phiên giảm điểm khá thứ 2 liên tiếp và có lúc đã phá mốc 500 điểm, mặc dù nhận được sự hỗ trợ của SMA20 nhưng thị trường lại đóng cửa dưới mức EMA9 cho thấy áp lực bán ngắn hạn vẫn còn trong các phiên tới. Lực mua đã có dấu hiệu suy yếu trong phiên hôm nay mặc dù giá giảm mạnh, nhà đầu tư đã trở nên thận trọng hơn. Chúng tôi cho rằng nhà đầu tư có thể xem xét một giải pháp an toàn cho danh mục của mình bằng cách giảm tỷ trọng các cổ phiếu yếu, cổ phiếu giảm mạnh hơn so với thị trường chung.

HNX-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index cũng giảm điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa ở mức 62.38 điểm, giảm 0.27 điểm (-0.43%) so với phiên trước. Mức thấp nhất của chỉ số này trong phiên là 61.99 điểm.

- KLGD giảm nhẹ so với phiên trước và tụt xuống dưới 20 triệu cổ phiếu, thanh khoản sụt giảm, giao dịch ảm đạm.

- Chỉ số RSI về lại ngưỡng 50 điểm, tâm lý thị trường cân bằng trở lại.

Nhận định: Xu thế đi ngang của chỉ số HNX-Index vẫn đang thể hiện rõ qua hướng đi của dải Bollinger, mặc dù có phần tích cực hơn khi chỉ số nằm ở phía trên của dải này. Chúng tôi chưa nhận thấy có dấu hiệu nào cho thấy dòng tiền quay trở lại sân HNX một cách rõ ràng và bền vững. Nhà đầu tư vẫn nên xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu thấp trên sàn này.



LỘC CỔ PHIẾU

Dòng tiền tiếp tục quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, có KQKD Q2 khả quan tại sàn HOSE. Dòng tiền tham gia sàn HNX rất hạn chế.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê Top 10 mã cổ phiếu có KLGD bình quân > 50,000 cổ phiếu/phiên trong 1 tháng gần nhất, theo một số chỉ tiêu tài chính sau:

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q2.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	VDS	5.82	5190.9%	5.95	80.3%	31.7%	6,885	(737)	-4.34	0.46	-27.45	17.74
2	KMR	10.03	1123.2%	5.26	387.0%	42.6%	12,998	110	24.65	0.21	3.05	23.13
3	PPC	682.68	987.6%	1626.69	732.1%	485.0%	15,679	5,411	4.21	1.45	40.39	14.37
4	NKG	17.49	801.5%	42.76	1266.1%	114.0%	10,736	(1,991)	-4.82	0.89	-1.81	5.85
5	NDN	8.22	466.9%	8.89	217.5%	71.5%	11,343	988	6.99	0.61	9.35	17.79
6	HNM	3.07	413.3%	1.24	162.9%	40.0%	10,629	356	23.06	0.77	-3.29	20.43
7	KLS	31.77	375.5%	82.75	65.6%	#DIV/0!	12,626	244	35.22	0.68	33.37	46.4
8	PGS	73.46	344.7%	124.65	170.4%	68.9%	22,330	5,218	4.08	0.95	4.81	18.72
9	HAR	7.18	230.9%	9.55	199.4%	16.4%	10,738	448	24.53	1.02	27.04	40.41
10	TCM	39.4	174.6%	62.03	21289.7%	68.7%	14,204	758	18.46	0.99	1.54	10.87

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	TCM	39.40	174.6%	62.03	21289.7%	68.7%	14,204	758	18.5	0.99	1.54	10.87
2	FCM	13.15	#DIV/0!	24.91	1507.34%	25.9%	10,947	861	12.0	0.94	8.92	30.40
3	NKG	17.49	801.5%	42.76	1266.13%	114.0%	10,736	(1,991)	-4.8	0.89	(1.81)	5.85
4	PPC	682.68	987.6%	1626.69	732.11%	485.0%	15,679	5,411	4.2	1.45	40.39	14.37
5	KMR	10.03	1123.2%	5.26	387.04%	42.6%	12,998	110	24.7	0.21	3.05	23.13
6	VGS	6.73	101.5%	12.46	340.28%	92.3%	12,755	326	14.4	0.37	0.71	3.42
7	NDN	8.22	466.9%	8.89	217.50%	71.5%	11,343	988	7.0	0.61	9.35	17.79
8	KSS	4.02	136.1%	9.89	200.71%	#DIV/0!	15,571	704	8.4	0.38	4.65	23.48
9	HAR	7.18	230.9%	9.55	199.37%	16.4%	10,738	448	24.5	1.02	27.04	40.41
10	PGC	31.15	73.8%	51.6	181.05%	79.9%	12,521	1,267	7.7	0.77	3.32	14.32

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	PPC	682.68	987.6%	1626.69	732.11%	485.0%	15,679	5,411	4.2	1.45	40.39	14.37
2	PSI	0.61	-84.9%	3.87	-8.3%	192.5%	9,920	(26)	-234.6	0.61	0.38	31.67
3	BTP	38.27	-44.2%	85.39	51.75%	158.7%	15,892	2,327	5.9	0.86	12.00	11.14
4	VND	76.68	158.5%	103.96	73.06%	137.2%	12,005	1,160	7.4	0.72	52.47	82.12
5	PGD	109.27	-61.6%	170.62	-55.47%	131.8%	24,424	(1,605)	-18.3	1.20	(0.27)	3.01
6	NKG	17.49	801.5%	42.76	1266.13%	114.0%	10,736	(1,991)	-4.8	0.89	(1.81)	5.85
7	BVS	21.73	-60.6%	56.34	-14.06%	96.9%	16,363	948	10.8	0.62	35.19	61.25
8	LAS	157.09	20.0%	305.78	17.57%	93.7%	15,827	5,137	7.1	2.29	10.97	21.84
9	VGS	6.73	101.5%	12.46	340.28%	92.3%	12,755	326	14.4	0.37	0.71	3.42
10	CSM	119.88	70.3%	188.51	72.30%	91.4%	19,037	4,668	7.8	1.90	13.12	25.66

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

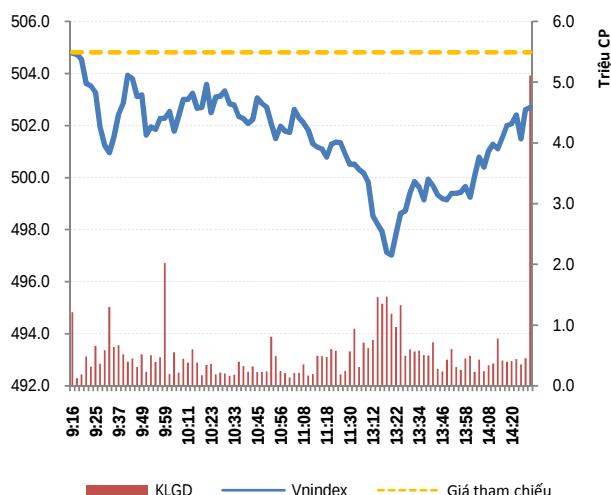
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 21/08/2013.



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

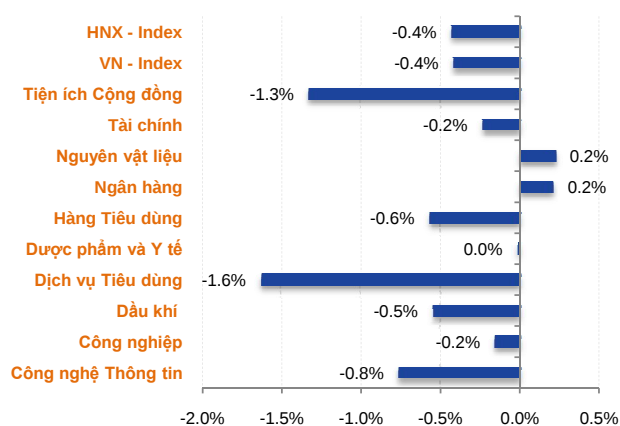
KLGD và VN-Index trong phiên



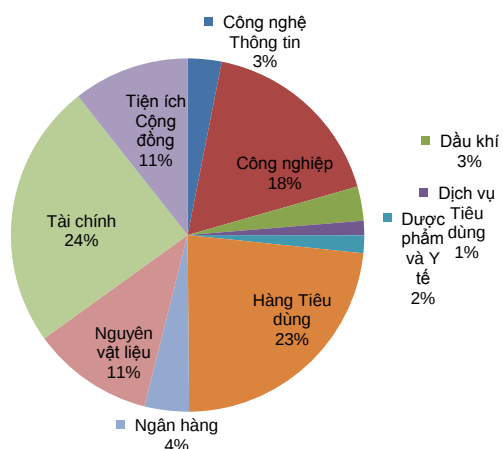
KLGD và HNX-Index trong phiên



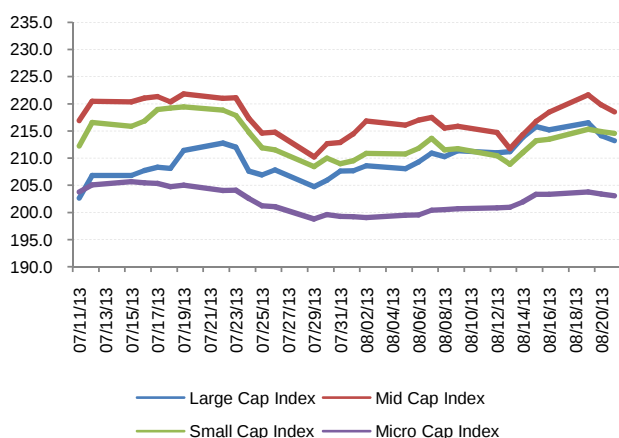
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



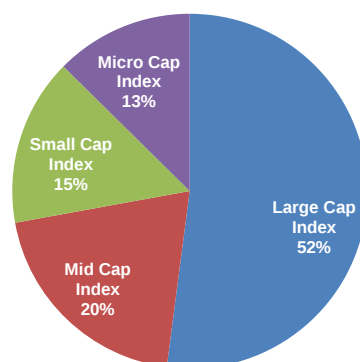
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DPM	198,170	HAG	304,010
2	KBC	156,990	FCN	300,000
3	HPG	142,990	VFMVF1	173,120
4	KSS	63,000	GAS	148,120
5	BCI	42,000	IJC	139,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	62,300	SHN	40,000
2	DBC	59,900	PVV	13,000
3	SHB	50,200	S12	7,200
4	PVG	35,000	VCG	7,000
5	PVC	29,985	PVX	6,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.2	6.0	↓ -3.23%	4,297,440
PVT	6.8	6.8	→ 0.00%	2,626,800
FLC	5.4	5.3	↓ -1.85%	2,306,020
PVF	6.5	6.9	↑ 6.15%	2,243,450
KDH	9.8	9.7	↓ -1.02%	1,934,822

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.6	6.5	↓ -1.59%	3,232,416
SCR	6.6	6.5	↓ -2.14%	2,057,304
PVX	4.2	4.2	↑ 0.71%	1,633,438
KLS	8.5	8.5	→ 0.00%	1,245,625
VCG	11.3	11.4	↑ 0.73%	981,805

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SSC	40.0	42.8	2.8	↑ 7.00%
COM	26.0	27.8	1.8	↑ 6.92%
ICF	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
CNT	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
MPC	23.9	25.5	1.6	↑ 6.69%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GGG	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
SDC	8.0	9.0	1.0	↑ 12.50%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
IDV	17.2	18.9	1.7	↑ 9.88%
NBP	12.7	13.9	1.2	↑ 9.45%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CDC	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
AGD	44.6	41.5	-3.1	↓ -6.95%
ASIAGF	11.7	10.9	-0.8	↓ -6.84%
DHM	8.8	8.2	-0.6	↓ -6.82%
HDC	14.7	13.7	-1.0	↓ -6.80%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.7	0.6	-0.1	↓ -14.29%
NVC	0.7	0.6	-0.1	↓ -14.29%
PSG	0.7	0.6	-0.1	↓ -14.29%
SHN	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
FDT	31.1	28.0	-3.1	↓ -9.97%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	4,297,440	0.3%	42	144.1	0.5
PVT	2,626,800	5.9%	667	10.2	0.6
FLC	2,306,020	4.3%	661	8.0	0.3
PVF	2,243,450	-1.1%	(126)	-	0.6
KDH	1,934,822	-10.0%	(2,424)	-	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	3,232,416	-2.9%	(332)	-	0.6
SCR	2,057,304	-3.0%	(450)	-	0.4
PVX	1,633,438	-36.4%	(2,642)	-	0.7
KLS	1,245,625	1.9%	244	34.8	0.7
VCG	981,805	1.6%	187	61.5	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SSC	↑ 7.0%	28.0%	5,201	8.2	2.2
COM	↑ 6.9%	6.0%	1,573	17.7	1.1
ICF	↑ 6.9%	1.2%	160	19.3	0.2
CNT	↑ 6.8%	-11.1%	(2,531)	-	0.2
MPC	↑ 6.7%	3.6%	755	33.8	1.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GGG	↑ 12.5%	-294.9%	(1,838)	-	7.4
SDC	↑ 12.5%	7.0%	1,336	6.0	0.4
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	4.6	0.6
IDV	↑ 9.9%	34.2%	3,391	5.6	1.6
NBP	↑ 9.4%	6.4%	1,072	13.0	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	198,170	28.8%	7,088	5.9	1.6
KBC	156,990	-10.0%	(1,381)	-	0.6
HPG	142,990	16.5%	3,419	9.7	1.5
KSS	63,000	5.0%	760	8.2	0.4
BCI	42,000	1.9%	462	27.9	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	62,300	15.6%	2,599	6.2	1.0
DBC	59,900	3.2%	887	19.8	0.7
SHB	50,200	-2.9%	(332)	-	0.6
PVG	35,000	9.2%	1,350	6.4	0.6
PVC	29,985	10.1%	1,741	8.7	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	130,755	41.6%	6,429	10.7	4.0
VNM	121,690	40.5%	7,699	19.0	7.1
CTG	62,710	19.3%	2,662	7.2	1.3
VCB	62,107	9.9%	1,785	15.0	1.5
MSN	59,232	4.8%	1,047	80.2	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	0.3%	40	391.5	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,237	15.6%	2,599	6.2	1.0
SHB	5,848	-2.9%	(332)	-	0.6
VCG	5,080	1.6%	187	61.5	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	2.30	4.9%	1,953	13.6	0.7
VPH	2.16	1.6%	276	17.4	0.3
PPC	2.09	38.4%	5,411	4.2	1.5
OGC	2.04	0.6%	69	137.5	0.9
PET	1.94	15.1%	2,689	8.2	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HDA	3.56	14.1%	1,819	4.2	0.6
ILC	3.33	-14.3%	(1,502)	-	0.5
DHL	3.14	0.9%	93	41.0	0.4
VCG	3.01	1.6%	187	61.5	1.0
PVA	2.94	-101.1%	(6,390)	-	0.8



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)